

Số: 71a /BC-THPTPH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 9 năm 2025

BÁO CÁO

Thường niên của trường THPT Phước Hòa năm 2024
(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên trường: Trung học phổ thông (THPT) Phước Hòa

2. Địa chỉ: Ấp 1b, DT 741, xã Phước Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 027422444888

Email: thpt-phuchoa@sgdbinhduong.edu.vn

Website: <https://thptphuochoa.edu.vn>

3. Loại hình: Trường công lập. Cơ quan quản lý trực tiếp: Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

4.1. Sứ mạng

Trường THPT Phước Hòa tạo dựng môi trường giáo dục thân thiện, hợp tác, chia sẻ cùng tiến bộ, năng động, sáng tạo, có trách nhiệm.

4.2. Tầm nhìn

Trường THPT Phước Hòa là ngôi trường hạnh phúc, có chất lượng giáo dục toàn diện.

Trường là trung tâm văn hóa giáo dục của địa phương, là địa chỉ tin cậy để phụ huynh gửi gắm con em mình, nơi giáo viên và học sinh luôn phấn đấu vươn lên vì sự phát triển của bản thân và vì truyền thống của nhà trường.

4.3. Hệ thống giá trị cốt lõi

- Đoàn kết - Trách nhiệm.

- Thân thiện - Kỉ luật.

Năng động - Sáng tạo

Khát vọng - Vươn lên

4.4. Mục tiêu



Xây dựng thương hiệu nhà trường, có uy tín và ổn định về chất lượng giáo dục; từng bước phấn đấu theo mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

4.5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường trung học phổ thông Phước Hòa được thành lập theo quyết định số 1013/QĐ-UBND, ngày 06 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương, trên cơ sở vật chất cũ của trường THCS Phước Hòa, lúc mới thành lập tổng diện tích là 10.580.7m². Nhà trường từng bước phát triển đảm bảo chất lượng giáo dục là nơi tin cậy học tập của con em địa phương.

Với truyền thống 10 năm xây dựng và phát triển. Vượt qua bao gian khó đến nay trường chuyển mình mạnh mẽ từ Chi bộ đến đoàn thể, từ cán bộ quản lý đến giáo viên nhân viên và học sinh đều đoàn kết, phấn đấu vươn lên đạt nhiều kết quả đáng tự hào.

Nhiều năm liền nhà trường được công nhận là Tập thể lao động tiên tiến, năm học 2024-2025, đạt Tập thể lao động tiên tiến.

Năm 2020, trường được UBND tỉnh Bình Dương công nhận đạt Chuẩn quốc gia mức độ 1 theo Quyết định số 782/QĐ-BND ngày 23/03/2020 và đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 theo quyết định số 116/QĐ-SGDĐT ngày 10 tháng 3 năm 2020

6. Thông tin người đại diện pháp luật

Họ và tên: Phạm Thị Thanh thúy

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc:

Điện thoại: 0909915788

Email: phuocvinhpro@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy (kèm theo các quyết định)

7.1. Quyết định thành lập: quyết định số: 1013/QĐ-UBND, ngày 06 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương

7.2. Quyết định kiện toàn hội đồng trường: Theo quyết định số 1975/QĐ-GDĐT ngày 13 tháng 12 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Dương về việc bổ sung, kiện toàn hội đồng trường THPT Phước Hòa; quyết định số 1984/QĐ-GDĐT ngày 13 tháng 12 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Dương về việc công nhận chủ tịch hội đồng trường THPT Phước Hòa

7.3. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

- Quyết định điều động và bổ nhiệm hiệu trưởng: Quyết định số 939/QĐ-SGDĐT ngày 10 tháng 6 năm 2024

- Quyết định điều động và bổ nhiệm phó hiệu trưởng: Quyết định số 24/QĐ-SGDĐT ngày 13 tháng 01 năm 2025

7.4. Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục; sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

- Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục: THPT Phước Hòa hoạt động theo cơ chế nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động tự chủ 1 phần; Thực hiện theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư ban hành Điều lệ trường THCS, THPT, THPT nhiều cấp học.

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường:

Công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục; tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện các hoạt động giáo dục. Tổ chức cho giáo viên, người lao động và học sinh tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.

Xây dựng môi trường văn hóa - giáo dục trong nhà trường, tham gia xây dựng môi trường văn hóa - giáo dục ở địa phương.

Được tiếp nhận các khoản tài trợ, viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với nhà trường theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

- Sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường: (kèm theo phụ lục)

7.5. Quy chế dân chủ cơ sở, kế hoạch giáo dục: (kèm theo kế hoạch và quy chế dân chủ)

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

	Tổng số	Nữ	Trình độ đào tạo				Chuẩn		Ghi chú
			Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Phổ thông	Nghề nghiệp Tốt		
I. Lãnh đạo, Quản lý									
1.Hiệu trưởng	1	1	1				1	1	
2.Phó hiệu trưởng	1			1			1	1	
II. Nghề nghiệp chuyên ngành									
Giáo viên	26		6	20			21	5	
Thiết bị, thí nghiệm	0								
Giáo vụ	0								
Tư vấn	0								

Hỗ trợ khuyết tật	0								
III.Chuyên môn dùng chung									
1.Thư viện	1			1					
2. CNTT	1			1					
3. Văn thư	1			1					
4. Kế toán	1			1					
IV.Hỗ trợ phục vụ									
Y tế	1				1				
Bảo vệ	2					2			
Phục vụ	1					1			
Tổng	36		7	24	1	3			

2 . Chất lượng đội ngũ

- 100% đạt và trên chuẩn, tỷ lệ cán bộ quản lý và giáo viên trên chuẩn đạt 25%.
- Về cơ cấu chức danh nghề nghiệp (tính cả cán bộ quản lý và giáo viên): Viên chức hạng II: 2/28 (7,1%), viên chức hạng III: 26/28 (92,85%).
- Đánh giá chung: Đội ngũ cán bộ quản lý có năng lực chuyên môn, năng lực quản lý tốt, có tinh thần trách nhiệm cao, có nhiều giải pháp để xây dựng nhà trường phát triển bền vững. Nhiều giáo viên tốt nghiệp loại giỏi, khá ở các trường đại học sư phạm uy tín, có năng lực chuyên môn vững vàng, năng động, tâm huyết với nghề.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Diện tích khu đất xây dựng trường: 10.580,7 m²; Diện tích sàn xây dựng: (sàn sử dụng) 26.897,96 m². Diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh: khoảng 36,15m²/học sinh

Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định (Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6m²/học sinh, các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10m²/học sinh): Trường thuộc khu vực nông thôn (địa chỉ xã Phước Hòa, thành phố Hồ Chí Minh), có diện tích lớn hơn so với yêu cầu ít nhất 10m²/học sinh.

Đối sánh số liệu với năm trước liền kề: không thay đổi.

2. Số lượng, hạng mục

2.1. Khối phòng hành chính quản trị:

- Phòng Hiệu trưởng: 01, diện tích 17.28 m².
- Phòng Phó Hiệu trưởng: 01, diện tích phòng là 15.5 m².
- Phòng Văn thư và Thủ quỹ: 01, diện tích 15,5 m².
- Phòng Kế toán: 01, diện tích 17.28m².

- Phòng văn phòng (phòng giáo viên): 23 m²
- Phòng Kế toán: 01, diện tích 17.28m².
- Phòng Hội đồng (phòng họp B): 01, diện tích 153m².

Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định: đạt yêu cầu.

Đối sánh số liệu với năm trước liền kề: không thay đổi.

2.2. Khối phòng học tập:

- Phòng học: 19, diện tích 12 phòng học dãy A là 46.5 m².; 1 phòng dãy B là 54m²; 6 phòng dãy C là 48m²

- Phòng bộ môn: 8

Trong đó:

- + Tin học: 03, diện tích mỗi phòng là 85m².
- + Ngoại ngữ: 01, diện tích phòng là 102,5m² và 75,5m².
- + Vật lý: 01, diện tích mỗi phòng là 100,5m².
- + Hóa học: 01, diện tích mỗi phòng là 100,5m².
- + Sinh học: 01, diện tích mỗi phòng là 100,5m².

Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định: đạt yêu cầu.

2.3. Khối phòng hỗ trợ học tập:

- Thư viện: 01, diện tích 167m².
- Nhà đa năng (sân bóng chuyền, cầu lông, ...): 01, diện tích 829m²
(chiếm 2,55% tổng diện tích sử dụng của trường)

Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định: đạt yêu cầu.

Đối sánh số liệu với năm trước liền kề: không thay đổi.

2.4. Khối phụ trợ:

- Phòng hoạt động Đoàn thanh niên: 01, diện tích 32m².
- Phòng truyền thống: 01, diện tích 51m².
- Phòng Y tế học đường: 01, diện tích 22m².
- Phòng quản lý học sinh và tiếp dân: 01, diện tích 15m².
- Phòng nghỉ giáo viên: 01, diện tích 31m².
- Phòng tổ chuyên môn: 02 (01 phòng kết hợp kho dụng cụ ở nhà đa năng 50m², 02 phòng 39m²/phòng, 06 phòng 17m²/phòng).
- Phòng bảo vệ: 01, diện tích mỗi phòng là 9m².
- Khu vệ sinh giáo viên, nhân viên: 01 (khu nam, nữ riêng).
- Khu vệ sinh học sinh: 01 (mỗi khu nam, nữ riêng).

- Khu để xe của giáo viên, nhân viên: 01 (đi vào lối cổng trước).

- Khu để xe của học sinh: 01 (đi vào lối cổng sau).

Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định: Chưa đạt yêu cầu đạt yêu cầu.

Đối sánh số liệu với năm trước liền kề: Có làm tờ trình xin sửa chữa khu nhà vệ sinh ngoài trời, đã khảo sát, nhưng do sát nhập nên dừng lại.

2.5. Khu sân chơi, thể dục thể thao:

Khu sân chơi, bãi tập thể dục thể thao có diện tích 3.242m² (chiếm 32,44% tổng diện tích sử dụng của trường).

Khu sân chơi, bãi tập ngoài trời có 01 sân bóng chuyền, 01 trụ bóng rổ

Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường: Khu sân chơi, bãi tập thể dục thể thao của trường có diện

tích lớn hơn so với yêu cầu.

Đối sánh số liệu với năm trước liền kề: không thay đổi.

2.6. Khối phục vụ sinh hoạt:

- Khu bán trú: 02 phòng nam, 02 phòng nữ.

- Căng tin: 01, diện tích 100,25m². Nhà ăn: Lầu tầng trệt của khu tập thể thao làm nhà ăn

Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định: đạt yêu cầu.

Đối sánh số liệu với năm trước liền kề: không thay đổi.

2.7. Hạ tầng kỹ thuật:

- Hệ thống cung cấp nước sạch đáp ứng quy định tại khoản 1 và 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BGDĐT-BYT ngày 15/05/2016 của Bộ GDĐT và Bộ Y tế

quy định về công tác y tế trường học, cụ thể:

+ Sử dụng nguồn nước uống bằng bình lọc công ty cấp nước Bewase theo Thông tư số 34/2010/TT-BYT ngày 02/06/2010 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước uống đóng chai.

+ Sử dụng nguồn nước sinh hoạt theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia (QCVN 02: 2009/BYT) ban hành kèm theo Thông tư số 05/2009/TT-BYT ngày 17/06/2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước sinh hoạt.

- Hệ thống thoát nước của trường đảm bảo vệ sinh môi trường, đặc biệt nước thải của khu bếp, nhà ăn (căng tin) được thiết kế xả qua bể lọc xong mới thải ra ngoài theo hệ thống thoát nước. Nhà trường sử dụng nước giếng khoan phục vụ nhu cầu sinh

hoạt thông thường, còn có hợp đồng nước cấp thủy phục vụ cho nấu ăn. Nhà trường còn sử dụng nước uống bằng bình lọc loại lớn cho giáo viên, nhân viên sử dụng

- Hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BGDĐT-BYT ngày 15/5/2016 của Bộ GDĐT và Bộ Y tế quy định về công tác y tế trường học, cụ thể: Nhà trường có hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt, không để nước ứ đọng xung quanh trường lớp; có hệ thống thoát nước riêng cho khu vực căng tin, nhà vệ sinh. Nhà trường có hợp đồng công ty có đủ điều kiện thu gom, xử lý chất thải, rác thải sinh hoạt theo quy định. Thùng rác có nắp đậy để đựng và phân loại rác thải, có thùng đựng rác thải y tế riêng. Thực hiện đúng theo quy định về việc phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý rác trong nhà trường.

- Hệ thống cấp điện: trường sử dụng điện 3 pha, đảm bảo đủ công suất và an toàn phục vụ hoạt động của trường.

- Hệ thống phòng cháy, chữa cháy: đảm bảo theo quy định hiện hành.

- Hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc: có camera, hệ thống mạng được bố trí khu hành chính, các dãy phòng học, khu bán trú; có điện thoại bàn để liên lạc đảm bảo phục vụ các hoạt động của nhà trường.

Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định: đạt yêu cầu.

Đối sánh số liệu với năm trước liền kề: không thay đổi.

3. Số thiết bị dạy học hiện có

- Nhà trường có trang bị đầy đủ các thiết bị dạy học đáp ứng được yêu cầu tối thiểu cho việc dạy và học của nhà trường.

- Các phòng học, phòng học bộ môn đều được trang bị đầy đủ các thiết bị dạy học theo quy định như các dụng cụ thí nghiệm, bàn ghế, tủ, bảng, quạt, đèn chiếu sáng theo quy định. Các phòng học đều được trang bị máy chiếu.

Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định: thiếu các thiết bị phục vụ chương trình GDPT 2018.

Đối sánh số liệu với năm trước liền kề: không thay đổi.

5. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA 10

STT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Ngữ văn 10 (Tập 1, tập 2) (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Thành Thi (Chủ biên), Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Trần Lê Duy, Dương Thị Hồng Hiếu, Phạm Ngọc Lan, Tăng Thị Tuyết Mai, Đinh Phan Cẩm Vân	Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Ngữ văn 10 (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Thành Thi, Nguyễn Văn Tùng (đồng Chủ biên), Lê Thị Ngọc Anh, Trần Lê Duy, Võ Thị Phúc Hồng, Trần Minh Hoàng, Huỳnh Vũ Lam, Nguyễn Thị Hồng Nam, Hồ Trần Ngọc Oanh	Giáo dục Việt Nam
2	Toán 10 (Tập 1, tập 2) (Chân trời sáng tạo)	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Trần Đức Huyền (Chủ biên), Nguyễn Thành Anh, Vũ Như Thư Hương, Ngô Hoàng Long, Phạm Hoàng Quân, Phạm Thị Thu Thủy	Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Toán 10 (Chân trời sáng tạo)	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Trần Đức Huyền (Chủ biên), Nguyễn Thành Anh, Đặng Văn Đoạt	Giáo dục Việt Nam
3	Tiếng Anh 10 Friends Global	Vũ Mỹ Lan (Chủ biên), Huỳnh Đông Hải, Nguyễn Thúy Liên, Huỳnh Ngọc Thùy Trang, Trần Thụy Thùy Trinh	Giáo dục Việt Nam
4	Giáo dục thể chất 10: Cầu lông (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Ngô Việt Hoàn (Chủ biên), Nguyễn Hữu Bính, Mai Thị Ngoãn, Trần Văn Vinh	Giáo dục Việt Nam
5	Giáo dục thể chất 10: Bóng chuyền (Chân trời sáng tạo)	Trịnh Hữu Lộc (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Hùng (Chủ biên), Phạm Thị Lệ Hằng	Giáo dục Việt Nam
6	Giáo dục thể chất 10: Bóng rổ (Chân trời sáng tạo)	Trịnh Hữu Lộc (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Hùng (Chủ biên), Phạm Thị Lệ Hằng, Nguyễn Trần Phúc, Đặng Hà Việt	Giáo dục Việt Nam
7	Lịch sử 10 (Chân trời sáng tạo)	Đỗ Thanh Bình (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Ninh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thế Bình, Nguyễn Thu Hiền, Tống Thị Quỳnh Hương, Nguyễn Mạnh Hưởng	Đại học Sư phạm
	Chuyên đề học tập Lịch sử 10 (Chân trời sáng tạo)	Đỗ Thanh Bình (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Ninh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thế Bình, Nguyễn Văn Dũng, Nguyễn Thu Hiền	Đại học Sư phạm

8	Địa lí 10 (Cánh diều)	Lê Thông (Tổng Chủ biên), Nguyễn Minh Tuệ (Chủ biên), Nguyễn Đức Vũ, Nguyễn Quyết Chiến, Vũ Thị Mai Hương, Nguyễn Thị Trang Thanh, Lê Mỹ Dung	Đại học Sư phạm
	Chuyên đề học tập Địa lí 10 (Cánh diều)	Lê Thông (Tổng Chủ biên), Nguyễn Minh Tuệ (Chủ biên), Nguyễn Quyết Chiến, Vũ Thị Mai Hương, Nguyễn Thị Trang Thanh	Đại học Sư phạm
9	Giáo dục kinh tế và pháp luật 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Phạm Thị Kim Dung, Nguyễn Thị Toan	Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Phạm Thị Kim Dung, Nguyễn Thị Toan	Giáo dục Việt Nam
10	Vật lí 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Bùi Gia Thịnh (Chủ biên), Phạm Kim Chung, Tô Giang, Nguyễn Xuân Quang, Nguyễn Văn Thụ	Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Vật lí 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Quang Bá (Chủ biên), Phạm Kim Chung, Đặng Thanh Hải	Giáo dục Việt Nam
11	Hoá học 10 (Cánh diều)	Trần Thành Huế (Tổng chủ biên), Nguyễn Ngọc Hà (Chủ biên), Dương Bá Vũ	Đại học Sư phạm
	Chuyên đề học tập Hoá học 10 (Cánh diều)	Trần Thành Huế (Tổng chủ biên), Nguyễn Ngọc Hà	Đại học Sư phạm
12	Sinh học 10 (Chân trời sáng tạo)	Tổng Xuân Tám (Chủ biên), Lại Thị Phương Ánh, Trần Hoàng Dương, Phạm Đình Văn	Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Sinh học 10 (Chân trời sáng tạo)	Tổng Xuân Tám (Chủ biên), Lại Thị Phương Ánh, Trần Hoàng Dương, Phạm Đình Văn	Giáo dục Việt Nam
13	Tin học 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Thế Long (Tổng Chủ biên), Đào Kiến Quốc (Chủ biên), Bùi Việt Hà, Lê Chí Ngọc, Lê Kim Thư	Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Tin học 10: Khoa học máy tính (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Thế Long (Tổng Chủ biên), Bùi Việt Hà (Chủ biên), Lê Việt Thành, Trương Võ Hữu Thiên	Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Tin học 10: Tin học ứng dụng (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Thế Long (Tổng Chủ biên), Đào Kiến Quốc (Chủ biên), Dương Quỳnh Nga, Đặng Bích Việt	Giáo dục Việt Nam

14	Công nghệ 10: Thiết kế và công nghệ (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Đặng Thị Thu Hà, Nguyễn Hồng Sơn, Phạm Văn Sơn, Võ Thị Như Uyên	Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Công nghệ 10: Thiết kế và công nghệ (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Quốc Cường (Chủ biên), Phạm Văn Sơn	Giáo dục Việt Nam
	Công nghệ 10: Công nghệ trồng trọt (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đồng Huy Giới (Chủ biên), Lê Ngọc Anh, Nguyễn Anh Đức, Bùi Thị Thu Hương, Vũ Văn Liết, Nguyễn Ích Tân, Bùi Ngọc Tấn	Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Công nghệ 10: Công nghệ trồng trọt (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đồng Huy Giới (Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Dinh, Bùi Thị Thu Hương, Bùi Ngọc Tấn	Giáo dục Việt Nam
15	Giáo dục Quốc phòng và An ninh 10	Nghiêm Viết Hải (Tổng Chủ biên), Đoàn Chí Kiên (Chủ biên)	Giáo dục Việt Nam
16	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thanh Bình (Chủ biên), Lê Văn Cầu, Trần Thị Tổ Oanh, Trần Thị Thu	Giáo dục Việt Nam

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA 11

STT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Ngữ văn 11 (Tập 1, tập 2) (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Thành Thi (Chủ biên), Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Trần Lê Duy, Dương Thị Hồng Hiếu, Phạm Ngọc Lan, Tăng Thị Tuyết Mai, Đinh Phan Cẩm Vân	Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Ngữ văn 11 (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Thành Thi, Nguyễn Văn Tùng (đồng Chủ biên), Lê Thị Ngọc Anh, Trần Lê Duy, Võ Thị Phúc Hồng, Trần Minh Hoàng, Huỳnh Vũ Lam, Nguyễn Thị Hồng Nam, Hồ Trần Ngọc Oanh	Giáo dục Việt Nam
2	Toán 11 (Tập 1, tập 2) (Chân trời sáng tạo)	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Trần Đức Huyền (Chủ biên), Nguyễn Thành Anh, Vũ Như Thư Hương, Ngô Hoàng Long, Phạm Hoàng Quân, Phạm Thị Thu Thủy	Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Toán 11 (Chân trời sáng tạo)	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Trần Đức Huyền (Chủ biên), Nguyễn Thành Anh, Đặng Văn Đạt	Giáo dục Việt Nam

3	Tiếng Anh 11 Friends Global	Vũ Mỹ Lan (Chủ biên), Huỳnh Đông Hải, Nguyễn Thúy Liên, Huỳnh Ngọc Thùy Trang, Trần Thụy Thùy Trinh	Giáo dục Việt Nam
4	Giáo dục thể chất 11: Cầu lông (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Ngô Việt Hoàn (Chủ biên), Nguyễn Hữu Bình, Mai Thị Ngoãn, Trần Văn Vinh	Giáo dục Việt Nam
5	Giáo dục thể chất 11: Bóng chuyền (Chân trời sáng tạo)	Trịnh Hữu Lộc (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Hùng (Chủ biên), Phạm Thị Lệ Hằng	Giáo dục Việt Nam
6	Giáo dục thể chất 11: Bóng rổ (Chân trời sáng tạo)	Trịnh Hữu Lộc (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Hùng (Chủ biên), Phạm Thị Lệ Hằng, Nguyễn Trần Phúc, Đặng Hà Việt	Giáo dục Việt Nam
7	Lịch sử 11 (Chân trời sáng tạo)	Đỗ Thanh Bình (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Ninh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thế Bình, Nguyễn Thu Hiền, Tống Thị Quỳnh Hương, Nguyễn Mạnh Hưởng	Đại học Sư phạm
	Chuyên đề học tập Lịch sử 11 (Chân trời sáng tạo)	Đỗ Thanh Bình (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Ninh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thế Bình, Nguyễn Văn Dũng, Nguyễn Thu Hiền	Đại học Sư phạm
8	Địa lí 11 (Cánh diều)	Lê Thông (Tổng Chủ biên), Nguyễn Minh Tuệ (Chủ biên), Nguyễn Đức Vũ, Nguyễn Quyết Chiến, Vũ Thị Mai Hương, Nguyễn Thị Trang Thanh, Lê Mỹ Dung	Đại học Sư phạm
	Chuyên đề học tập Địa lí 11 (Cánh diều)	Lê Thông (Tổng Chủ biên), Nguyễn Minh Tuệ (Chủ biên), Nguyễn Quyết Chiến, Vũ Thị Mai Hương, Nguyễn Thị Trang Thanh	Đại học Sư phạm
9	Giáo dục kinh tế và pháp luật 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Phạm Thị Kim Dung, Nguyễn Thị Toan	Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Phạm Thị Kim Dung, Nguyễn Thị Toan	Giáo dục Việt Nam
10	Vật lí 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Bùi Gia Thịnh (Chủ biên), Phạm Kim Chung, Tô Giang, Nguyễn Xuân Quang, Nguyễn Văn Thụ	Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Vật lí 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Xuân Quang Báu (Chủ biên), Phạm Kim Chung, Đặng Thanh Hải	Giáo dục Việt Nam
11	Hoá học 11 (Cánh diều)	Trần Thành Huế (Tổng chủ biên), Nguyễn Ngọc Hà (Chủ biên), Dương Bá Vũ	Đại học Sư phạm
	Chuyên đề học tập Hoá học 11 (Cánh diều)	Trần Thành Huế (Tổng chủ biên), Nguyễn Ngọc Hà	Đại học Sư phạm
12	Sinh học 11 (Chân trời sáng tạo)	Tổng Xuân Tám (Chủ biên), Lại Thị Phương Ánh, Trần Hoàng Dương, Phạm Đình Văn	Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Sinh học 11 (Chân trời sáng tạo)	Tổng Xuân Tám (Chủ biên), Lại Thị Phương Ánh, Trần Hoàng Dương, Phạm Đình Văn	Giáo dục Việt Nam

13	Tin học 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Thế Long (Tổng Chủ biên), Đào Kiên Quốc (Chủ biên), Bùi Việt Hà, Lê Chí Ngọc, Lê Kim Thư	Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Tin học 11: Khoa học máy tính (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Thế Long (Tổng Chủ biên), Bùi Việt Hà (Chủ biên), Lê Việt Thành, Trương Võ Hữu Thiên	Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Tin học 11: Tin học ứng dụng (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Thế Long (Tổng Chủ biên), Đào Kiên Quốc (Chủ biên), Dương Quỳnh Nga, Đặng Bích Việt	Giáo dục Việt Nam
14	Công nghệ 11: Thiết kế và công nghệ (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Đặng Thị Thu Hà, Nguyễn Hồng Sơn, Phạm Văn Sơn, Võ Thị Như Uyên	Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Công nghệ 11: Thiết kế và công nghệ (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Quốc Cường (Chủ biên), Phạm Văn Sơn	Giáo dục Việt Nam
	Công nghệ 11: Công nghệ trồng trọt (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đồng Huy Giới (Chủ biên), Lê Ngọc Anh, Nguyễn Anh Đức, Bùi Thị Thu Hương, Vũ Văn Liết, Nguyễn Ích Tân, Bùi Ngọc Tấn	Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Công nghệ 11: Công nghệ trồng trọt (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đồng Huy Giới (Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Dinh, Bùi Thị Thu Hương, Bùi Ngọc Tấn	Giáo dục Việt Nam
15	Giáo dục Quốc phòng và An ninh 11	Nghiêm Viết Hải (Tổng Chủ biên), Đoàn Chí Kiên (Chủ biên)	Giáo dục Việt Nam
16	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thanh Bình (Chủ biên), Lê Văn Cầu, Trần Thị Tô Oanh, Trần Thị Thu	Giáo dục Việt Nam

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA 12

STT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Ngữ văn 12 (Tập 1, tập 2) (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Thành Thi (Chủ biên), Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Trần Lê Duy, Dương Thị Hồng Hiếu, Phạm Ngọc Lan, Tăng Thị Tuyết Mai, Đinh Phan Cẩm Vân	Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Ngữ văn 12 (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Thành Thi, Nguyễn Văn Tùng (đồng Chủ biên), Lê Thị Ngọc Anh, Trần Lê Duy, Võ Thị Phúc Hồng, Trần Minh Hương, Huỳnh Vũ Lam, Nguyễn Thị Hồng Nam, Hồ Trần Ngọc Oanh	Giáo dục Việt Nam
2	Toán 12 (Tập 1, tập 2) (Chân trời sáng tạo)	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Trần Đức Huyền (Chủ biên), Nguyễn Thành Anh, Vũ Như Thư Hương, Ngô Hoàng Long, Phạm Hoàng Quân, Phạm Thị Thu Thủy	Giáo dục Việt Nam

	Chuyên đề học tập Toán 12 (Chân trời sáng tạo)	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Trần Đức Huyền (Chủ biên), Nguyễn Thành Anh, Đặng Văn Đạt	Giáo dục Việt Nam
3	Tiếng Anh 12 Friends Global	Vũ Mỹ Lan (Chủ biên), Huỳnh Đông Hải, Nguyễn Thúy Liên, Huỳnh Ngọc Thùy Trang, Trần Thụy Thùy Trinh	Giáo dục Việt Nam
4	Giáo dục thể chất 12: Cầu lông (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Ngô Việt Hoàn (Chủ biên), Nguyễn Hữu Bình, Mai Thị Ngoãn, Trần Văn Vinh	Giáo dục Việt Nam
5	Giáo dục thể chất 12: Bóng chuyền (Chân trời sáng tạo)	Trịnh Hữu Lộc (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Hùng (Chủ biên), Phạm Thị Lệ Hằng	Giáo dục Việt Nam
6	Giáo dục thể chất 12: Bóng rổ (Chân trời sáng tạo)	Trịnh Hữu Lộc (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Hùng (Chủ biên), Phạm Thị Lệ Hằng, Nguyễn Trần Phúc, Đặng Hà Việt	Giáo dục Việt Nam
7	Lịch sử 12 (Chân trời sáng tạo)	Đỗ Thanh Bình (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Ninh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thế Bình, Nguyễn Thu Hiền, Tống Thị Quỳnh Hương, Nguyễn Mạnh Hưởng	Đại học Sư phạm
	Chuyên đề học tập Lịch sử 12 (Chân trời sáng tạo)	Đỗ Thanh Bình (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Ninh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thế Bình, Nguyễn Văn Dũng, Nguyễn Thu Hiền	Đại học Sư phạm
8	Địa lí 12 (Cánh diều)	Lê Thông (Tổng Chủ biên), Nguyễn Minh Tuệ (Chủ biên), Nguyễn Đức Vũ, Nguyễn Quyết Chiến, Vũ Thị Mai Hương, Nguyễn Thị Trang Thanh, Lê Mỹ Dung	Đại học Sư phạm
	Chuyên đề học tập Địa lí 12 (Cánh diều)	Lê Thông (Tổng Chủ biên), Nguyễn Minh Tuệ (Chủ biên), Nguyễn Quyết Chiến, Vũ Thị Mai Hương, Nguyễn Thị Trang Thanh	Đại học Sư phạm
9	Giáo dục kinh tế và pháp luật 12 (Chân trời sáng tạo)	Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Phạm Thị Kim Dung, Nguyễn Thị Toan	Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Phạm Thị Kim Dung, Nguyễn Thị Toan	Giáo dục Việt Nam
10	Vật lí 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Bùi Gia Thịnh (Chủ biên), Phạm Kim Chung, Tô Giang, Nguyễn Xuân Quang, Nguyễn Văn Thụ	Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Vật lí 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Xuân Quang Bá (Chủ biên), Phạm Kim Chung, Đặng Thanh Hải	Giáo dục Việt Nam
11	Hoá học 12 (Cánh diều)	Trần Thành Huế (Tổng chủ biên), Nguyễn Ngọc Hà (Chủ biên), Dương Bá Vũ	Đại học Sư phạm
	Chuyên đề học tập Hoá học 12 (Cánh diều)	Trần Thành Huế (Tổng chủ biên), Nguyễn Ngọc Hà	Đại học Sư phạm
12	Sinh học 12 (Chân trời sáng tạo)	Tổng Xuân Tám (Chủ biên), Lại Thị Phương Ánh, Trần Hoàng Dương, Phạm Đình Văn	Giáo dục Việt Nam

	Chuyên đề học tập Sinh học 12 (Chân trời sáng tạo)	Tổng Xuân Tám (Chủ biên), Lại Thị Phương Ánh, Trần Hoàng Dương, Phạm Đình Văn	Giáo dục Việt Nam
13	Tin học 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Thế Long (Tổng Chủ biên), Đào Kiến Quốc (Chủ biên), Bùi Việt Hà, Lê Chí Ngọc, Lê Kim Thư	Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Tin học 12: Khoa học máy tính (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Thế Long (Tổng Chủ biên), Bùi Việt Hà (Chủ biên), Lê Việt Thành, Trương Võ Hữu Thiên	Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Tin học 12: Tin học ứng dụng (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Thế Long (Tổng Chủ biên), Đào Kiến Quốc (Chủ biên), Dương Quỳnh Nga, Đặng Bích Việt	Giáo dục Việt Nam
14	Công nghệ 12: Thiết kế và công nghệ (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Đặng Thị Thu Hà, Nguyễn Hồng Sơn, Phạm Văn Sơn, Võ Thị Như Uyên	Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Công nghệ 12: Thiết kế và công nghệ (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Quốc Cường (Chủ biên), Phạm Văn Sơn	Giáo dục Việt Nam
	Công nghệ 12: Công nghệ trồng trọt (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đồng Huy Giới (Chủ biên), Lê Ngọc Anh, Nguyễn Anh Đức, Bùi Thị Thu Hương, Vũ Văn Liết, Nguyễn Ích Tân, Bùi Ngọc Tấn	Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Công nghệ 12: Công nghệ trồng trọt (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đồng Huy Giới (Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Dinh, Bùi Thị Thu Hương, Bùi Ngọc Tấn	Giáo dục Việt Nam
15	Giáo dục Quốc phòng và An ninh 12	Nghiêm Viết Hải (Tổng Chủ biên), Đoàn Chí Kiên (Chủ biên)	Giáo dục Việt Nam
16	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thanh Bình (Chủ biên), Lê Văn Cầu, Trần Thị Tổ Oanh, Trần Thị Thu	Giáo dục Việt Nam

Link đăng thông tin: [http://thptphuchoa.edu.vn/thong-bao-danh-muc-sgknam-](http://thptphuchoa.edu.vn/thong-bao-danh-muc-sgknam-hoc-2025-2026)

hoc-2025-2026

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Đơn vị tổ chức thực hiện tự đánh giá từ tháng 10/2019 đến tháng 12/2020, đơn vị được Sở Giáo dục và Đào tạo công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 (Quyết định số 1984/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương công nhận Trường THPT Phước Hòa đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2) và được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1 (Quyết định số 1975/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương công nhận Trường THPT Phước Hòa đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1).

2. Năm học 2025-2026, đơn vị xây dựng kế hoạch cải tiến nâng cao chất lượng sau tự đánh giá. Nội dung của kế hoạch tập trung khắc phục những hạn chế, nâng cao chất lượng từng tiêu chí, tiêu chuẩn; giữ vững kết quả đạt được (kiểm định chất lượng

đạt cấp độ 2). Đối với cấp độ 3,4: đơn vị không đạt. Đơn vị chỉ đạt 3/6 tiêu chí (tiêu chí 2,3,6), không đạt 3/6 tiêu chí (tiêu chí 1,4,5).

Tuy nhiên, nhà trường cũng còn một số hạn chế nhất định, tình hình cơ sở vật chất chưa đáp ứng kịp thời trong tình hình phát triển kinh tế - xã hội nói chung, sự phát triển đi lên của ngành giáo dục nói riêng. Mặt khác, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên cũng còn bộc lộ những hạn chế nhất là ở lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và giảng dạy, việc soạn giảng giáo án điện tử chất lượng chưa đồng đều ở tất cả các môn học.

Nhà trường đã mô tả đúng thực trạng, phân tích những ưu điểm, khuyết điểm, đưa ra kế hoạch cải tiến trong thời gian đến. Dựa trên những tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục, nhà trường tự đánh giá:

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC (Theo quy định tại khoản 2, 3

Điều 7, khoản 2, 3 Điều 9, khoản 2, 3 Điều 11 của Thông tư)

1. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

a) *Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:*

Stt	Nội dung	Tổng số	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
1	Kết quả tuyển sinh NH 2024-2025		289		
2	Số học sinh	697	289	230	178
3	Số lớp	18	7	6	5
4	Sĩ số bình quân	38,7	41,1	38,5	35,6
5	Số học sinh dân tộc	12	7	2	3
6	Số học sinh khuyết tật	10	3	2	5
7	Số học sinh thuộc diện chính sách				
8	Số học sinh chuyển đi	6	5	1	
9	Số học sinh chuyển đến	0	0	0	0

b) *Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và*

Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp:

STT	Sĩ số	Kết quả học tập								Chưa Đạt sau thi lại
		Tốt		Khá		Đạt		Chưa Đạt		
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	
Khối 10	289	8	2.77%	68	23.53%	177	61.25%	36	12.46%	11 (3,8%)
Khối 11	230	13	5.65%	66	28.70%	142	61.74%	9	3.91%	1 (0,43%)
Khối 12	178	15	8.43%	80	44.94%	83	46.63%	0	0.00%	
TỔNG CỘNG	697	36	5.16%	214	30.70%	402	57.68%	45	6.46%	12(1,7%)

STT	Sĩ số	Kết quả rèn luyện							
		Tốt		Khá		Đạt		Chưa Đạt	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
Khối 10	289	269	93.08%	14	4.84%	6	2.08%	0	0
Khối 11	230	222	96.02%	8	3.48%	0	0	0	0
Khối 12	178	176	98.88%	2	1.12%	0	0	0	0
TỔNG CỘNG	697	667	95.7%	24	3.44%	6	2.08%	0	0

2. Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi

Học sinh giỏi vòng tỉnh: đạt 03 giải, gồm giải ba, 02 giải khuyến khích. Giảm 4 giải so với năm học 2023-2024.

Học sinh giỏi vòng huyện

3. Công tác nghiên cứu khoa học, hoạt động ngoại khóa

3.1. Nghiên cứu khoa học

Viết sáng kiến nâng cao chất lượng dạy và học, công tác chủ nhiệm, hoạt động đoàn thể: 02 sáng kiến cấp cơ sở và cấp tỉnh.

Tham gia hội thi nghiên cứu khoa học: cuộc thi robocon đạt top 15 thành phố và top 50 quốc gia.

3.2. Hoạt động ngoại khóa, CLB

CLB Âm nhạc: Tổ chức các buổi biểu diễn, giao lưu âm nhạc

Tổ Ngữ văn tổ chức hoạt động ngoại khóa với chủ đề "dựng lại tác phẩm văn học cách mạng".

4. Hoạt động ngoại khóa toàn trường:

- Giáo viên, học sinh tìm hiểu chiến thắng Phước Thành tại nhà truyền thống huyện Phú Giáo; viếng mộ nghĩa trang Liệt sĩ tại nghĩa trang huyện Phú Giáo.
- Giáo viên, học sinh tham quan tại Đà Lạt.
- Học sinh thấp nhang tại đài tưởng niệm anh hùng Liệt sĩ tại xã Phước Hòa

5. Thư viện số: Thư viện đạt chuẩn đang từng bước xây dựng thư viện số, xây dựng, quản lý và sử dụng hiệu quả hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý, giáo dục và đánh giá chất lượng.

6. Đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá

6.1. Ứng dụng CNTT trong quản lý, giảng dạy, học tập

- Trong quản lý:

+ Nhà trường sử dụng phần mềm quản lý trường học vnEdu do VNPT Phú Giáo cung cấp giúp theo dõi sĩ số, học lực/học tập, hạnh kiểm/rèn luyện, học bạ điện tử, báo cáo nhanh và chính xác. Sử dụng chữ ký số, mộc số, số hóa các loại hồ sơ, sổ sách (ngoại trừ các loại hồ sơ phải thực hiện lưu bản giấy theo quy định).

+ Sử dụng hiệu quả các kênh thông tin như website, face page, facebook, nhóm zalo; nền tảng họp trực tuyến như zoom, google meet giúp tiết kiệm thời gian, thuận tiện trong chỉ đạo điều hành.

+ Lưu trữ và xử lý văn bản hành chính điện tử, sử dụng chữ ký số, phần mềm quản lý công văn giúp giảm giấy tờ, hiện đại hóa công tác hành chính.

- Trong giảng dạy, học tập:

+ Đổi mới phương pháp dạy học, nâng cao chất lượng giảng dạy: Giáo viên nhà trường đã kết hợp sử dụng hiệu quả các phần mềm (PowerPoint, Canva, Quizizz,...) để thiết kế bài giảng sinh động, trực quan, tạo hứng thú cho học sinh.

+ Tổ chức dạy học linh hoạt trên các nền tảng như Google Meet, Zoom, Microsoft Teams khi cần thiết.

+ Nâng cao hiệu quả ứng dụng CNTT trong học tập của học sinh: Phát triển năng lực tự học và kỹ năng công nghệ: Học sinh sử dụng máy tính, điện thoại thông minh để truy cập bài học, làm bài tập, tra cứu kiến thức...; Tham gia các hoạt động học tập trực tuyến, các cuộc thi trên mạng Internet giúp rèn kỹ năng sử dụng công nghệ và tinh thần tự học.

- Trong kiểm tra, đánh giá:

+ Nâng cao hiệu quả trong kiểm tra, đánh giá học sinh: Đổi mới hình thức và công cụ đánh giá; Sử dụng Google Forms, Azota,... để tổ chức kiểm tra trắc nghiệm khách quan, đánh giá quá trình; Kết hợp sử dụng hình thức chấm bài trực tuyến, nhận xét và phản hồi nhanh chóng, thuận tiện; Triển khai thực hiện việc theo dõi tiến độ học tập, sự tiến bộ của học sinh qua phần mềm quản lý lớp học, học bạ điện tử...

+ Áp dụng hệ thống dạy và học trực tuyến vnEdu LMS do VNPT Phú Giáo cung cấp

6.2. Đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp dạy học

- Việc triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 ở các cấp học

+ Triển khai đầy đủ các văn bản chuyên môn, hướng dẫn của cấp trên về việc triển

khai và thực hiện chương trình GDPT 2018.

+ Xây dựng một cách khoa học chương trình môn học tự chọn, chuyên đề học tập,

chương trình chuyên sâu, giúp học sinh có thể tiếp cận, định hướng nghề nghiệp và chuẩn bị tốt cho kỳ thi tốt nghiệp và các kì thi học sinh giỏi.

+ Quán triệt tinh thần đổi mới giáo dục đối với tập thể giáo viên, qua đó đã áp dụng

phù hợp các phương pháp dạy học tích cực giúp học sinh chủ động, sáng tạo hơn trong việc tiếp thu kiến thức thông qua tổ chức các hoạt động nhóm, thảo luận, bài tập thực hành giúp học sinh phát triển khả năng tư duy phản biện và sáng tạo; Tăng cường hoạt động trải nghiệm: Hoạt động ngoại khóa, tham quan thực tế, các chương trình học tập ngoài giờ chính khóa được chú trọng nhằm phát triển kỹ năng sống và rèn luyện đạo đức, nhân cách cho học sinh.



+ Học sinh có sự tiến bộ rõ rệt về phẩm chất, năng lực học tập, tự tin thể hiện bản

thân. Kết quả kiểm tra, đánh giá học sinh theo năng lực và phẩm chất đã thể hiện sự khác biệt tích cực so với các phương pháp đánh giá truyền thống.

- Việc đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực cho học sinh

+ Đổi mới phương pháp nội dung, dạy học theo phương châm “Dạy học lấy học sinh làm trung tâm”; khuyến khích học sinh tham gia vào quá trình học tập qua các hoạt

động nhóm, thảo luận, thuyết trình, dự án, các bài tập tình huống giúp phát triển khả năng

làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo...

+ Đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tạo cơ hội cho học sinh khám phá kiến thức, phát triển tư duy độc lập và kỹ năng giải quyết vấn đề.

+ Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học: Giáo viên sử dụng các phần mềm

dạy học, công cụ trực tuyến như Google Classroom, Zoom, Kahoot, Quizizz... để tạo môi trường học tập hấp dẫn, tương tác cao. Việc sử dụng các công cụ công nghệ giúp học sinh học tập dễ dàng hơn, phát triển các kỹ năng số, tăng cường khả năng làm việc trực tuyến.

- Việc ứng dụng các phương pháp giảng dạy tiên tiến, tích cực Đổi mới hình thức tổ chức dạy học thông qua dạy học theo mô hình lớp học linh hoạt: Các hoạt động học được tổ chức linh hoạt, học sinh có thể học cả trên lớp và ngoài lớp qua các dự án thực tế, thí nghiệm, tham quan, ngoại khóa; Tổ chức các hoạt động nhóm, lớp học trải nghiệm, các buổi hội thảo, sự kiện ngoại khóa giúp học sinh phát triển toàn diện; Học tập kết hợp giữa trên lớp và ngoài lớp: các bài học lý thuyết được kết hợp với các hoạt động thực tế, giúp học sinh có cơ hội áp dụng kiến thức vào thực tiễn; Các chương trình ngoại khóa, thí nghiệm, thực hành tại các phòng học chức năng được nhà trường và các Tổ chuyên môn tổ chức thường xuyên, tạo cơ hội cho học sinh trải nghiệm và phát triển kỹ năng tích cực.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Công khai chi tiết tài chính. (kèm bảng)

2. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm 2024 – 2025:

3. Công khai số dư quỹ tiền mặt và tiền gửi tại kho bạc, ngân hàng ngày 31/12/2024

4. Công khai số dư các loại quỹ tại kho bạc:

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Chi bộ: Năm 2024: Đã kết nạp được 02 đảng viên mới, 100% đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ, có 04 đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, Chi bộ xếp loại “Hoàn thành Tốt nhiệm vụ”.

2. Công đoàn: Hoàn thành Tốt nhiệm vụ.

3. Đoàn TNCS HCM: Hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ năm học 2024-2025, lá cờ đầu của huyện.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT;
- CB, GV, NV nhà trường;
- Ban đại diện CMHS trường;
- Website của trường;
- Lưu: VT.



Phạm Thị Thanh Thúy

